

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc và Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp tổ chức Bộ máy của Ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế Thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 52/QĐ-BDT ngày 04/8/2020 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc.

Điều 3. Chánh văn phòng; các Trưởng, phó phòng và cán bộ, công chức, người lao động thuộc Ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:(VBĐT)

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để bc);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT,VP.

TRƯỞNG BAN

Đặng Văn Tuấn

QUY CHẾ
CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-BDT ngày 31/12/2020 của Ban Dân tộc)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Ban Dân tộc, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng và cách thức tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Danh hiệu thi đua: tập thể và công chức, lao động hợp đồng từ 10 tháng trở lên thuộc Ban Dân tộc. (theo K6, Đ10, Nghị định 91/2017/NĐ-CP)

2. Khen thưởng:

- Tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc;
- Phòng Dân tộc cấp huyện.

Điều 3. Các trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

- Không đăng ký thi đua.
- Mới được tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dưới 10 tháng;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.
- Tập thể có 10% nhiệm vụ được giao trễ hạn trở lên trong năm không được xếp hạng tốt về kết quả cải cách hành chính thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

- Cá nhân thụ lý, giải quyết trễ hạn 10% nhiệm vụ được giao trở lên trong năm không được xếp loại hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Cá nhân là người đứng đầu cơ quan, nếu để tập thể có xếp hạng kết quả cải cách hành chính đạt mức trung bình trở xuống thì không được xếp loại hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 4. Các trường hợp được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước, những người trong khi thi hành nhiệm vụ bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết

luận của cơ quan y tế thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng ngắn hạn tập trung dưới 01 năm, đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử đi đào tạo tập trung từ 01 năm trở lên, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác.

4. Đối với cá nhân mới chuyển công tác đến Ban Dân tộc: xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên (dưới 6 tháng thì căn cứ nhận xét của cơ quan cũ trong hồ sơ chuyển công tác, không cần lấy lại ý kiến nhận xét của đơn vị cũ).

Điều 5. Trường hợp chưa bình bầu, xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Cá nhân thuộc diện chưa bình bầu, xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm: Có văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định đang trong quá trình bị kiểm tra, thanh tra, tạm giam, tạm giữ để làm rõ trách nhiệm liên quan hoặc đang xem xét kỷ luật.

Sau khi có “Kết luận” kiểm tra, thanh tra, xem xét kỷ luật: Nếu đối tượng không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì Hội đồng TĐKT xem xét, đề nghị Trường Ban quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 6. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua (khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng)

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, thành tích thi đua. Không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, tặng thưởng các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng (khoản 2 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV, cụ thể:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

b) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức

khen lần sau. Chú trọng khen thưởng đối với công chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý; cá nhân, tập thể có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

d) Thời gian trình khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

đ) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

e) Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

g) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

h) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ, kế hoạch hàng quý, hàng năm của cơ quan.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, các phòng tiến hành tổng kết và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của tỉnh, của

Ủy ban Dân tộc.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi của tỉnh thì khi tiến hành sơ kết, tổng kết, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng “Huân chương Lao động hạng Ba”.

Điều 8. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan và có tính khả thi.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký và ký kết giao ước thi đua; theo dõi quá trình tổ chức phong trào thi đua; xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm tốt, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

4. Phong trào thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực và xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Trưởng Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các tổ chức đoàn thể của cơ quan để tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tổ chức tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban về nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; thẩm định hồ sơ thi đua, khen thưởng trình Trưởng ban quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức đoàn thể của cơ quan có trách nhiệm:

- Tổ chức và phối hợp với chính quyền để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Tuyên truyền, động viên công chức, lao động tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

- Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen

thưởng và của Quy chế này.

Điều 10. Đăng ký thi đua

1. Các đơn vị tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua gửi về Thường trực Hội đồng TĐKT Ban Dân tộc chậm nhất là ngày 31/01 hàng năm (*theo mẫu hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh*).

2. Đối với đăng ký danh hiệu "Chiến sỹ thi đua" các cấp, đề tài sáng kiến gửi về Thường trực Hội đồng TĐKT Ban Dân tộc chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm.

Điều 11. Danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc; Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Đối với cá nhân: Lao động tiên tiến; Chiến sỹ thi đua cơ sở; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” (*Điều 28 Luật thi đua, Khen thưởng*), được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao; chấm điểm thi đua của tập thể đạt từ 85 điểm trở lên;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị;

đ) Đạt từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải có ý kiến bằng văn bản để tổng hợp chung.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” (*Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng*)

1. Tập thể Lao động xuất sắc phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu trong số các tập thể được bình xét là “Tập thể Lao động tiên tiến”.

b) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch được giao; thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c) 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, quy định của cơ quan; tích cực thực

hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

e) Đạt từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải có ý kiến bằng văn bản để tổng hợp chung.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” xét tặng đối với tập thể phòng thuộc Ban Dân tộc.

Điều 14. Cờ Thi đua

1. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hoà.

2. Cờ Thi đua của Ủy ban Dân tộc:

Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 9 Thông tư số 02/2015/TT-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban Dân tộc.

3. Cờ Thi đua của Chính phủ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 15. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Khoản 1, Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 10 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP)

Cá nhân được công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao bao gồm số lượng, chất lượng, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ;

b) Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần phấn đấu, đoàn kết tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nhiệm vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt quy chế văn hóa công sở, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy định của cơ quan; có tinh thần đấu tranh chống tiêu cực; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội;

đ) Có trên 50% số thành viên của tập thể phòng biểu quyết đồng ý và từ 80% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải có ý kiến bằng văn bản để tổng hợp chung.

Điều 16. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" (Điều 23, Luật Thi đua - Khen thưởng; khoản 3 Điều 9 Nghị định 91/2017/NĐ-CP)

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chấm điểm thi đua đạt từ 90 điểm trở lên được cơ quan, đơn vị công nhận.

c) Có trên 50% số thành viên của tập thể phòng biểu quyết đồng ý và từ 80% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải có ý kiến bằng văn bản để tổng hợp chung.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng khoa học, sáng kiến (HĐKHSK) của Ban giúp Trưởng ban xem xét, công nhận.

3. Cá nhân được công nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở" phải đăng ký và trình bày sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hoặc đề tài nghiên cứu khoa học bằng văn bản trước tập thể phòng và gửi Hội đồng khoa học, sáng kiến của Ban để xét duyệt công nhận.

4. Số lượng xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Điều 17. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" (theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 91/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 14 của Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND)

Cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, bao gồm cả năm hiện tại được bình xét là Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng đối với tỉnh, được Hội đồng Khoa học, sáng kiến Ban Dân tộc xác nhận và Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xét công nhận thành tích.

c) Đạt từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì gửi xin ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp chung.

Điều 18. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" (theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 91/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 15 của Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND)

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên

tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Đạt từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì gửi xin ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp chung.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các loại hình khen thưởng (theo Điều 13 Nghị định 91/2017/NĐ-CP)

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được những thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước.

Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Tiêu chuẩn xét đề nghị các loại hình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 20. Các hình thức khen thưởng

- Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc”;
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc.

Điều 21. Khen thưởng cấp Nhà nước

Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước như: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Huy hiệu ... thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 34 đến Điều 69 của Luật Thi đua, Khen thưởng và từ Điều 14 đến Điều 33 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 22. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (theo Điều 38 Nghị định 91/2017/NĐ-CP)

1. Cá nhân: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Tập thể: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 23. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2015/TT-UBDT ngày 30/11/2015 của Ủy ban Dân tộc.

Điều 24. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Điều 39 Nghị định 91/2017/NĐ-CP và Điều 24 của Quy chế thi đua khen thưởng tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020)

Ngoài việc phải hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng còn phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau

1. Cá nhân: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Tập thể: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

3. Đối với cơ quan Ban Dân tộc đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hoà.

Điều 25. Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc

1. Cá nhân:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua và chấm điểm thi đua đạt 90 điểm trở lên hoặc lập được thành tích đột xuất;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết tương trợ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật tốt; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

e) Có từ 80% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT biểu quyết đồng ý; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải có ý kiến bằng văn bản để tổng hợp chung.

2. Tập thể:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua, trong đó có trên 70% cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ và chấm điểm thi đua đạt 95 điểm trở lên hoặc lập được thành tích đột xuất;

b) 02 lần liên tục đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" đến năm đề nghị khen thưởng .

c) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức đoàn thể đạt vững mạnh xuất sắc.

3. Trưởng Ban Dân tộc tặng Giấy khen cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước 5 năm hoặc theo đợt hoặc chuyên đề theo quy định và kế hoạch của UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

Điều 26. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”

Việc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp kỷ niệm “Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc” (ngày 03/5 hàng năm), thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-UBDT ngày 30/11/2015 của Ủy ban Dân tộc.

Chương IV

NỘI DUNG THI ĐUA VÀ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

Điều 27. Nội dung thi đua

1. Đối với cá nhân (*Phụ biểu 1 kèm theo*)

2. Đối với tập thể (*Phụ biểu 2 kèm theo*)

Điều 28. Chấm điểm thi đua

1. Đối với cá nhân:

- Vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan: mỗi lần vi phạm trừ 1 điểm, tối đa bị trừ 5 điểm;

- Cá nhân thụ lý, giải quyết nhiệm vụ được giao bị trễ hẹn (dưới 10%) trong năm: trừ 4 điểm;

- Đối với những hồ sơ, dự thảo trình Lãnh đạo Ban hoặc tham mưu trình UBND tỉnh nhưng bị trả lại từ 02 lần trở lên vì không đầy đủ thủ tục, không đạt chất lượng chuyên môn: trừ 2 điểm.

- Chưa tích cực kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch: trừ 2 điểm;

- Không tham gia phong trào, các hoạt động xã hội: trừ 5 điểm;

- Chưa thực hiện đúng quy trình ISO: trừ 2 điểm;

- Không thực hiện quy trình ISO: trừ 5 điểm;

2. Đối với tập thể:

- Tổ công đoàn:

- + Xuất sắc: 5 điểm;
- + Vững mạnh: 3 điểm;
- + Khá: 2 điểm;
- + Trung bình, kém: 1 điểm.

- Trường hợp có dưới 90% CCLĐ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến thì tính điểm như sau: lấy tỷ lệ đạt được chia cho 90% và nhân với số điểm chuẩn;

- Chưa tích cực tham gia xây dựng, kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động của cơ quan; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCC: trừ 2 điểm;

- Có cá nhân vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan: trừ 5 điểm;

- Tập thể có hồ sơ trễ hạn (dưới 10% hồ sơ) trong năm: trừ 4 điểm.

- Tập thể có hồ sơ tham mưu bị trả lại 02 lần trở lên vì không đầy đủ thủ tục, không đạt chất lượng chuyên môn: trừ 2 điểm.

Điều 29. Xếp loại thi đua

- Từ 90 điểm trở lên : Xuất sắc

- Từ 80 đến dưới 90 điểm : Tốt

- Từ 70 đến dưới 80 điểm : Khá

- Từ 60 đến dưới 70 điểm : Trung bình

- Dưới 60 điểm : Yếu

a) Xếp loại yếu đối với tập thể có cá nhân vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; nội bộ mất đoàn kết và các trường hợp quy định tại điều 3 của quy chế này (trừ trường hợp mới được tuyển dụng hoặc HĐLĐ dưới 10 tháng).

b) Đối với trường hợp mới được tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dưới 10 tháng, căn cứ vào các nội dung tại khoản 1 điều 27 của quy chế này được xem xét, đánh giá cho phù hợp.

c) Tập thể nào thực hiện chặm điểm, xếp loại thi đua không đúng theo quy định của quy chế sẽ bị hạ một bậc xếp loại thi đua.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN

Điều 30. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng (HĐTĐKT) do Trưởng Ban quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban là Phó Chủ tịch Hội đồng; các Ủy viên là Trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn.

2. HĐTĐKT thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho Trưởng Ban về công tác thi đua, khen thưởng, có trách nhiệm:

- Tổ chức phát động, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua;

- Thẩm định hồ sơ khen thưởng, đề nghị Trưởng Ban xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc xét, trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 31. Hội đồng khoa học, sáng kiến

1. Hội đồng TĐKT đồng thời là Hội đồng khoa học, sáng kiến (HĐKHSK).

2. HĐKHSK có nhiệm vụ: Xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới của các tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc (làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc).

Chương VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 32. Quy trình, thủ tục, hồ sơ xét danh hiệu thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc

1. Đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Ban Dân tộc:

- Phòng tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua, có 2/3 tổng số cán bộ, công chức, lao động trong phòng dự họp. Các ông chỉ hân đạo Ban được bình xét thi đua tại phòng chuyên môn phân công phụ trách và tham gia sinh hoạt tổ Công đoàn. Biên bản họp bình xét phải ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu, có đầy đủ chữ ký của lãnh đạo phòng, thư ký cuộc họp và tổ trưởng tổ Công đoàn;

- Hồ sơ đề nghị xét thi đua, khen thưởng của các phòng gồm:

- + Biên bản họp bình xét;
- + Bản chấm điểm thi đua của tập thể và cá nhân;
- + Bản tự kiểm điểm, đánh giá của cán bộ, công chức.

2. Đối với cá nhân thuộc Phòng Dân tộc cấp huyện:

- Phòng Dân tộc cấp huyện tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua, có 2/3 tổng số cán bộ, công chức, lao động trong phòng dự họp. Biên bản họp bình xét phải ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu, có đầy đủ chữ ký của lãnh đạo phòng và thư ký cuộc họp.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Dân tộc trước ngày 20/12 gồm:

- + Tờ trình đề nghị khen thưởng;
- + Biên bản họp bình xét thi đua;
- + Báo cáo thành tích của cá nhân có ý kiến xác nhận của Phòng Nội vụ.

3. Trên cơ sở đề nghị của các phòng chuyên môn thuộc Ban và Phòng Dân tộc cấp huyện, thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tổng hợp báo cáo tại cuộc họp xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng. Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu và có đầy đủ chữ ký của người chủ trì, thư ký cuộc họp.

Căn cứ kết quả bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng thi đua, Khen thưởng; thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tổng hợp trình Trưởng Ban xem xét quyết định.

Điều 33. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, khen thưởng ngoài thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc

1. Cờ Thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:
Thực hiện theo quy định của Ủy ban Dân tộc.
2. Danh hiệu thi đua, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:
 - a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:
Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 84, Luật Thi đua, Khen thưởng: 02 bộ chính
 - b) Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:
 - Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.
 - Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính.
3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:
 - Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương.
 - Số lượng hồ sơ: 03 bộ bản chính.
4. Huân chương các loại:
 - Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.
 - Số lượng hồ sơ: 04 bộ chính.
5. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng hàng năm gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày cuối tháng 02 năm sau.
Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi hồ sơ trước ngày giao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc; trường hợp khen thưởng đột xuất gửi hồ sơ trước 05 ngày làm việc.
6. Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VII
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 34. Nguồn và mức trích Quỹ (Theo Khoản 2 Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

Điều 35. Sử dụng quỹ thi đua khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng được sử dụng:

- Chi in ấn giấy chứng nhận danh hiệu thi đua, giấy khen; mua khung giấy khen;
- Chi tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể;
- Chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng, các cuộc họp của hội đồng thi đua, khen thưởng ...
- Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

- Cuối năm Quỹ thi đua, khen thưởng còn dư không sử dụng hết được chuyển năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

2. Khen thưởng chuyên đề (các chương trình mục tiêu) được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó.

3. Nguyên tắc chi tiền thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Trong cùng thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất. (Ví dụ: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A được công nhận là LĐTT, sau đó được công nhận danh hiệu CSTĐCS năm 2018, thì ông Nguyễn Văn A chỉ được nhận tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS).

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua. (Ví dụ: Năm 2016, 2017, 2018 ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS, đồng thời được xét tặng danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh năm 2018, thì ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh của năm 2018).

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng. (Ví dụ: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS và được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thì ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh năm 2018).

4. Tiền thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trường Ban Dân tộc:

- "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được tặng Bằng chứng nhận và được nhận thưởng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở;
- "Lao động tiên tiến" bằng 0,3 lần mức lương cơ sở;
- "Tập thể Lao động tiên tiến" bằng 0,8 lần mức lương cơ sở.
- "Tập thể lao động xuất sắc" được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;
- "Giấy khen" tặng cho cá nhân bằng 0,3 lần mức lương cơ sở; cho tập thể bằng 0,6 lần mức lương cơ sở.

Điều 36.

Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Huy chương, Huân chương ... ngoài việc khen thưởng theo quy định còn được ưu tiên cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được xem xét để xét nâng lương trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục hồ sơ trước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 76,77,78, 79 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 Chính phủ.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ quy định tại Quy chế này Hội đồng thi đua, khen thưởng, các Trường, phó phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Ban Dân tộc kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có các quy định của nhà nước mới ban hành hoặc có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các Trường, phó phòng, công chức, lao động thuộc Ban Dân tộc và Phòng Dân tộc cấp huyện phản ánh về Thường trực Hội đồng TĐKT để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

10	Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương, công chức thực hiện tốt kế hoạch được giao; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu đạt hiệu quả	10		
II	Điểm trừ	-20		
01	Có 10% nhiệm vụ được giao trễ hạn trở nên trong năm	- 4		
02	Vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan: mỗi lần vi phạm trừ 1 điểm, tối đa bị trừ 5 điểm;	-5		
03	Đối với những hồ sơ, dự tham mưu trình Lãnh đạo Ban bị trả lại từ 02 lần trở lên vì không đầy đủ thủ tục, không đạt chất lượng chuyên môn không được xếp loại mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ cuối năm.	-2		
04	Chưa tích cực kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý	-2		
05	Không tham gia phong trào thi đua, các hoạt động xã hội do chính quyền và công đoàn phát động	-5		
06	Chưa thực hiện đúng quy trình ISO	-2		

NGƯỜI TỰ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG

- Điểm thẩm định:.....
- Xếp loại:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TĐKT

10	Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; tổ Công đoàn xuất sắc	5		
II	Điểm trừ	-20		
1	Chưa tích cực tham gia xây dựng, kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động của cơ quan; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCC	-2		
2	Có cá nhân vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan	-5		
3	Tập thể có nhiệm vụ được giao trễ hạn (dưới 10% hồ sơ) trong năm	-4		
4	Có cá nhân vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan: mỗi lần vi phạm trừ 1 điểm, tối đa bị trừ 5 điểm;	-5		
5	Tập thể có hồ sơ tham mưu bị trả lại 02 lần trở lên vì không đầy đủ thủ tục, không đạt chất lượng chuyên môn	-2		
6	Chưa thực hiện đúng quy trình ISO	-2		

LÃNH ĐẠO PHÒNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG

- Điểm thẩm định:.....
- Xếp loại:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TĐKT